



# Dinh Bình

## HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN





# I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

## 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Ninh Bình có diện tích tự nhiên là 1.387,1 km<sup>2</sup>, là tỉnh cửa ngõ cực Nam khu vực đồng bằng Bắc Bộ, ở vị trí ranh giới 3 khu vực địa lý: Tây Bắc, châu thổ sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Ninh Bình nằm giao thoa giữa 3 vùng kinh tế: vùng Hà Nội, vùng duyên hải Bắc Bộ và vùng duyên hải miền Trung.

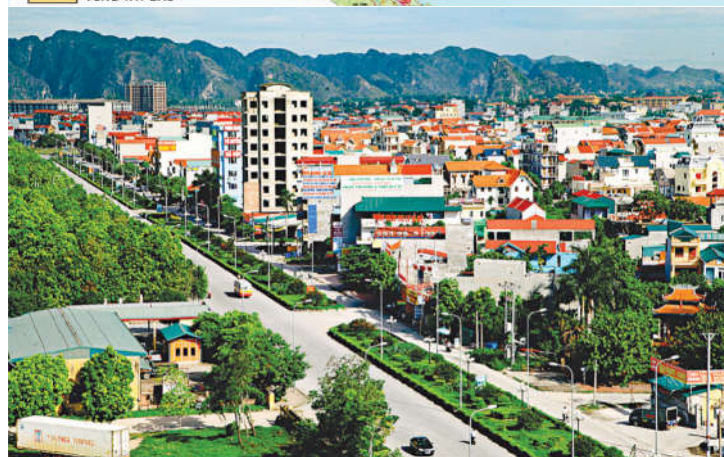
Cách trung tâm Hà Nội 95km và Cảng Hải Phòng 106km, nằm trên các tuyến giao thông quan trọng của nước ta theo cả đường bộ (quốc lộ 1A, đường cao tốc Bắc - Nam, quốc lộ 10A, quốc lộ 12B...) và đường sắt Bắc - Nam, Ninh Bình trở thành một cầu nối quan trọng trong giao lưu kinh tế - thương mại- du lịch và văn hóa giữa hai miền Nam Bắc.

## 2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH

Ninh Bình nằm trong vùng tiếp giáp giữa vùng đồng bằng Sông Hồng và dải đá trầm tích ở phía Tây; đồng thời lại nằm trong vùng trũng của đồng bằng sông Hồng, tiếp giáp với biên Đông, nên có kiểu địa hình đa dạng: vừa có đồng bằng, đồi núi, có vùng nửa đồi núi vừa có vùng trũng, vùng ven biển.

## 3. KHÍ HẬU

Ninh Bình nằm trong vùng khí hậu cận nhiệt đới ẩm: Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 9; mùa đông khô lạnh từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau, lượng mưa trung bình hàng năm: 1.700 – 1.800; nhiệt độ trung bình 23,5 độ C; số giờ nắng trong năm: 1.600 – 1.700 giờ; độ ẩm tương đối trung bình: 80 – 85%.



Thành phố Ninh Bình

## 4. ĐỊA CHẤT

Ninh Bình có cấu trúc địa chất khá phức tạp, nằm trong các đới kiến tạo Ninh Bình, Sơn La và Hà Nội thuộc vùng địa chất Tây Bắc Bộ. Thành phần cấu tạo địa tầng gồm các đá trầm tích có tuổi từ Mezozoi sớm cho đến Đệ tứ, trong đó các đá gốc tuổi Trias chiếm nửa diện tích của tỉnh.

## 5. THỦY VĂN

Ninh Bình có nhiều sông ngòi và một số hồ, đầm. Hàng năm, hệ thống sông ngòi ở Ninh Bình được nuôi dưỡng bằng nguồn nước mưa dồi dào, tạo nên lượng dòng chảy tương đối phong phú (khoảng 30 lít/s/km<sup>2</sup>). Mật độ mạng lưới sông ngòi khoảng 0,6 - 0,9 km/km<sup>2</sup>.

## 6. THỔ NHƯỠNG

Ninh Bình có 7 nhóm đất chính: Nhóm đất mặn chiếm 6,55% diện tích; Nhóm đất phù sa chiếm 61,88%; Nhóm đất Giây chiếm 5,55%; Nhóm đất Than bùn chiếm 0,6%; Nhóm đất đen chiếm 4,31%; Nhóm đất xám chiếm 21,36%; Nhóm đất xám bạc màu chiếm 0,3% diện tích.



Cảnh đồng vàng Tam Cốc



Vườn hoa Ninh Phúc



Cảnh đồng còl Kim Sơn

## II. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

### 1. VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC

Ninh Bình với vị trí địa kinh tế đã trở thành cửa ngõ quan trọng tại cực nam của vùng Đồng bằng Sông Hồng và vùng Duyên hải Đông Bắc, kết nối khu vực phía nam Vùng Tây Bắc, khu vực phía bắc Vùng Bắc Trung bộ.

Ninh Bình là đầu mối giao thông của nhiều tuyến giao thông quan trọng như QL 1A; QL 10; QL 12; đường cao tốc Bắc Nam; đường cao tốc ven biển, được xác định là một trong những trung tâm phát triển lớn trong cụm công nghiệp - đô thị dịch vụ của vùng góp phần hình thành một vùng phát triển động lực cho Vùng Duyên hải Bắc Bộ. Ninh Bình là cửa ngõ vùng Duyên hải Bắc Bộ có một phần không gian nằm theo dải ven biển nên thuận lợi phát triển công nghiệp đóng tàu, chế biến thủy, hải sản, nông sản và là trung tâm văn hóa - giáo dục đào tạo dịch vụ đô thị và trung tâm du lịch quốc gia.

### 2. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

**Tài nguyên đất:** Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Ninh Bình năm 2020 là 138.710 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 95.864 ha, chiếm 69,11% tổng diện tích tự nhiên; Đất phi nông nghiệp 36.934 ha, chiếm 26,63%; Đất chưa sử dụng 5.912 ha, chiếm 4,26%. Tài nguyên đất ở Ninh Bình có độ phì nhiêu trung bình với ba loại địa hình ven biển, đồng bằng và bán sơn địa nên có thể bố trí được nhiều loại cây trồng thuộc nhóm cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả; nuôi trồng thủy sản; đồng cỏ chăn nuôi, cây rừng đa tác dụng với các hệ thống canh tác có tưới hoặc không tưới. Vùng gò đồi còn nhiều tiềm năng để chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển công nghiệp. Đây là một lợi thế của Ninh Bình so với một số tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng.



Cảnh đồng dưa Tam Điệp

**Tài nguyên nước:** Trong tỉnh khá dồi dào gồm nước mặt và nước dưới đất trong đó nước mặt là chủ yếu vì có lượng mưa cao, có biển và hệ thống sông ngòi khá dày cùng với nhiều hồ và vùng đất chiêm trũng. Các sông lớn gồm: sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Bôi và một số sông nhỏ khác như sông Lạng, sông Vạc, sông Ân,...trong số đó có sông Đáy là sông lớn nhất chảy qua, từ Gia Thanh và đổ ra biển từ cửa Đáy. Bên cạnh đó, trong tỉnh còn có 21 hồ chứa nước lớn như đập Trời, đập Đá Lải, đập Yên Quang, hồ Yên Thắng, diện tích 1.270ha, với dung tích chứa khoảng 30 triệu m<sup>3</sup>.

**Tài nguyên khoáng sản:** Tài nguyên khoáng sản của tỉnh Ninh Bình bao gồm các nhóm nhiên liệu (than đá, than nâu), kim loại (antimon, thủy ngân), khoáng chất công nghiệp (Phosphorit, Pyrit, than bùn, sét gốm sứ, Dolomit, Kaolin), vật liệu xây dựng (đá vôi xi măng, sét xi măng, sét gạch ngói, cát xây dựng, đá vôi xây dựng, laterit) và nước khoáng nóng thiên nhiên.

**Tài nguyên du lịch:** Ninh Bình có địa hình đa dạng: đồi núi, sông hồ, đồng bằng, vùng biển, mang đầy đủ sắc thái địa hình Việt Nam thu nhỏ. Ninh Bình không chỉ được tạo hóa ưu ái, ban tặng nhiều cảnh quan thiên nhiên phong phú, độc đáo và hấp dẫn mà còn là vùng đất có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, tâm linh làm cơ sở tạo nên những sản phẩm du lịch đặc thù, có khả năng cạnh tranh và tạo nên thương hiệu riêng cho du lịch Ninh Bình.

- **Khu Tam Cốc - Bích Động - Tràng An - Cố đô Hoa Lư:** Đây là quần thể hang động và các di tích lịch sử - văn hóa rất phong phú, độc đáo. Cụ thể là khu du lịch sinh thái Tràng An – được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới; Khu cố đô Hoa Lư; Khu hang động Tam Cốc - Bích Động; tuyến Linh Cốc - Hải Nham và Thạch Bích - Thung Nắng.

- **Quần thể du lịch tâm linh chùa Bái Đính:** Ngôi chùa lớn nhất Đông Nam Á với rất nhiều các kỷ lục, hàng năm đón hàng triệu lượt khách trong nước và ngoài nước.

- **Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long:** Diện tích khu vực này là 3.710 ha với nhiều loài sinh vật (547 loài thực vật và 39 loài động vật) có những loài quý hiếm, đặc hữu của vùng đất ngập nước, có giá trị cao trong nghiên cứu khoa học.

- **Vườn Quốc gia Cúc Phương:** Có diện tích thuộc Ninh Bình là 11.350 ha, là khu rừng nguyên sinh nhiệt đới hiếm có ở Việt Nam với đặc điểm hệ sinh thái, sinh cảnh, cấu trúc rừng và tính đa dạng loài, gồm cả loài quý hiếm và loài đặc hữu (1.944 loài động thực vật).



*Khu du lịch sinh thái Tràng An*

- **Khu Kênh Gà (Gia Viễn) và động Vân Trình (Nho Quan):** Nước suối Kênh Gà (nhiệt độ 53% và khoáng chất tốt) đã nổi tiếng ở miền Bắc nhờ khả năng chữa trị được một số loại bệnh, giúp phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng. Động Vân Trình là một địa danh đẹp đẽ cùng với hệ thống các hang động khác tạo nên sự độc đáo thu hút khách du lịch.

- **Khu quần thể nhà thờ Phát Diệm:** Tính độc đáo thể hiện trong kiến trúc và xây dựng ở sự pha trộn hợp lý giữa kiến trúc Gothic và kiến trúc Á đông với chất liệu chủ yếu bằng đá xanh, tạo nên vẻ đẹp độc đáo hấp dẫn du khách trong nước, quốc tế đến tham quan.

- **Khu dự trữ sinh quyển thế giới (vùng ven biển huyện Kim Sơn):** Bao gồm cánh rừng ngập mặn, khu đầm lầy ngập mặn, các khu bãi bồi ven biển và cửa sông, lưu giữ những giá trị đa dạng sinh học phong phú, có giá trị nổi bật toàn cầu.

**Tài nguyên văn hóa:** Ninh Bình có 1.821 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 370 di tích đã được xếp hạng, bao gồm: 81 di tích xếp hạng cấp quốc gia (trong đó có 3 di tích quốc gia đặc biệt), và 289 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Một số di tích lịch sử văn hoá quan trọng, bao gồm: Khu di tích Quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư ( xã Trường Yên, huyện Hoa Lư), đền Thái Vi ( xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư), Đền Thánh Nguyễn ( xã Gia Tiên- Gia Thắng, huyện Gia Viễn), Đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng ( xã Gia Phương, huyện Gia Viễn)...

- **Làng nghề truyền thống:** Trên địa bàn hiện có 01 làng nghề truyền thống, 02 nghề truyền thống, 75 làng nghề và nhiều làng có nghề có khả năng thu hút khách du lịch...

- **Ẩm thực:** Đặc sản thịt dê, Nhất hương thiên kim (cơm cháy), Cơm cháy, Nem Yên Mạc (Yên Mô), Nem chua Yên Mạc (nem tiến Vua), Rượu Kim Sơn (Lai Thành), Mắm tép Gia Viễn, Rượu cần Nho Quan.



Lễ hội Hoa Lư



Lễ hội đền Thái Vi

### 3. NGUỒN NHÂN LỰC

Dân số trung bình năm 2021 đạt 1.007,6 nghìn người; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt gần 571,3 nghìn người, chiếm 56,7% dân số; Chất lượng nguồn lao động của Ninh Bình từng bước được nâng lên, tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 67%, đạt tỷ lệ khá cao trong vùng Đồng bằng Sông Hồng.

### 4. CƠ SỞ HẠ TẦNG, DỊCH VỤ

#### \* Giao thông vận tải :

Đường bộ bao gồm 01 tuyến cao tốc dài 24,5km, 08 tuyến Quốc lộ dài 240,79 km, 20 tuyến đường tỉnh dài 272,3km, đường huyện 349,5km, đường đô thị 355,26km, đường xã 2.375,26km và đường giao thông nông thôn 4.386km.

Giao thông đường thủy gồm 16 tuyến đường thủy nội địa với tổng chiều dài gần 298,8 km. Có 24 cảng thủy nội địa: cảng Ninh Bình, cảng Ninh Phúc và cảng ICD, 103 bến hàng hoá, 4 bến xăng dầu và 30 bến khách ngang sông được phân bố trên toàn tỉnh...

Tuyến đường sắt Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh có chiều dài 21,6 km với 4 ga (ga Ninh Bình, ga Cầu Yên, ga Ghềnh và ga Đồng Giao), 10 bến xe thuận lợi trong vận chuyển hành khách và hàng hoá.

#### \* Hệ thống điện:

Mạng lưới điện được xây dựng tương đối đều trên địa bàn cả tỉnh: có Nhà máy điện Ninh Bình công suất 4x25MW; có 01 trạm biến áp 500kV, 03 trạm biến áp 220kV; 13 trạm biến áp 110kV...



Trụ sở Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình



### \* Hệ thống hạ tầng thương mại, du lịch :

*Về thương mại:* Toàn tỉnh có 3 trung tâm thương mại, 33 siêu thị, 110 chợ và hàng trăm cửa hàng tiện lợi, tạo sự gắn kết và đảm bảo lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân.

*Về du lịch:* Ninh Bình có 695 cơ sở lưu trú, với 8.638 phòng nghỉ; trong đó, có 33 khách sạn đạt tiêu chuẩn 1 đến 2 sao và 08 khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 đến 4 sao...

### \* Hệ thống hạ tầng viễn thông:

Hiện tại mạng lưới bưu điện Ninh Bình gồm 40 bưu cục (02 bưu điện trung tâm, 07 bưu điện huyện và 31 bưu điện khu vực), với trên 900,8 nghìn thuê bao di động, trên 717,6 nghìn thuê bao internet, trong đó 100% các cơ quan Nhà nước được kết nối internet băng thông rộng.



*Dự án Silver Cloud - Cúc Phương, Nho Quan*

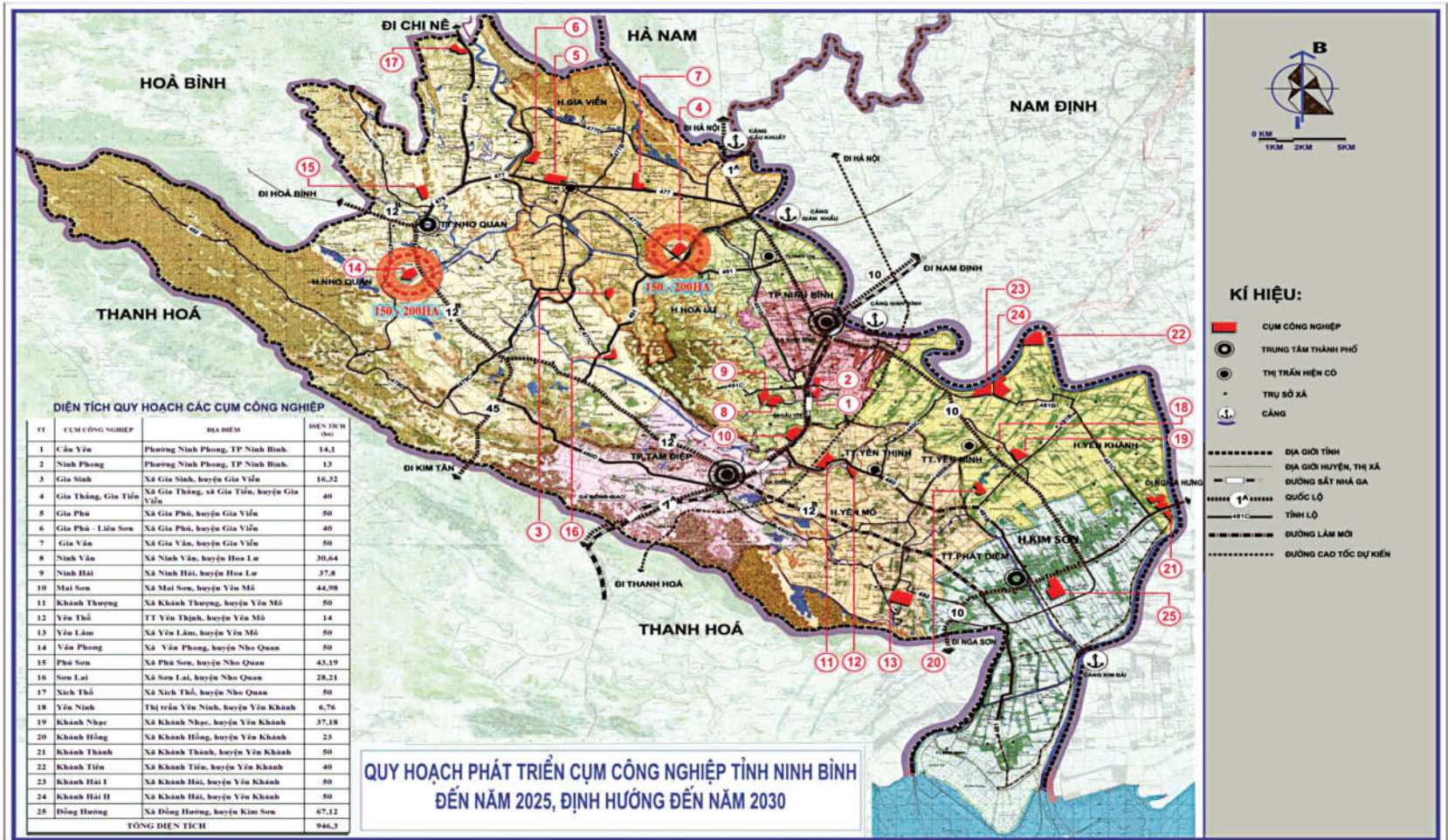
## 5. KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tỉnh Ninh Bình có 7 KCN đã được Chính phủ cho phép thành lập với tổng diện tích 1.472ha. Đến nay, có 05/07 khu công nghiệp đã được xây dựng và đi vào hoạt động gồm: KCN Tam Điệp I, KCN Khánh Phú, KCN Gián Khẩu (phần 162ha + phần 50ha mở rộng), KCN Khánh Cư (phần 52ha) và KCN Phúc Sơn; 02/07 khu công nghiệp chưa được thành lập gồm: KCN Tam Điệp II đã được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phân khu tại Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 07/10/2019, hiện đang triển khai lựa chọn nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng; KCN Kim Sơn đang trong quá trình lập quy hoạch.

Đến thời điểm hiện tại, trong các KCN có 119 dự án (02 dự án đầu tư hạ tầng và 117 dự án thứ cấp) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 30 dự án đầu tư nước ngoài, đất công nghiệp đã cho thuê 672,2ha/695,8ha đất công nghiệp đạt tỷ lệ 96,6%; tổng số vốn đăng ký đạt 64.130 tỷ đồng. Tỷ lệ lấp đầy 100%.



Toàn tỉnh có 17 cụm công nghiệp được thành lập với diện tích 602,81 ha; hiện có 5/17 cụm công nghiệp (Cầu Yên, Ninh Phong, Yên Ninh, Gia Vân, Sơn Lai) có tỷ lệ lấp đầy 100%. Đến nay có 14 cụm công nghiệp đi vào hoạt động thu hút được 230 dự án với tổng mức đầu tư đăng ký đạt 19.684 nghìn tỷ đồng (trong đó 11 dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp với tổng mức đầu tư 2.968,7 tỷ đồng và 219 dự án đầu tư).



### III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

#### 1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Trong thời gian tỉnh mới được tái lập, từ một tỉnh kinh tế thuần nông, quy mô nhỏ và tốc độ tăng trưởng chậm, chưa vững chắc và mang nặng tính chất tự cung, tự cấp với nền nông nghiệp lạc hậu; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhỏ lẻ, phát triển manh mún; thương mại, dịch vụ chậm phát triển. Nhưng với định hướng đúng đắn, tinh thần đoàn kết, thống nhất, sáng tạo, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, tỉnh Ninh Bình đã từng bước khắc phục khó khăn, xác định định hướng phát triển và quyết tâm triển khai thực hiện các giải pháp về chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu các ngành lĩnh vực; đặc biệt, là chuyển dịch cơ cấu trong nội tại ngành kinh tế theo hướng xanh, ứng dụng khoa học công nghệ và tạo ra giá trị lớn; chú trọng quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và giải pháp về thu hút, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút những nhà đầu tư chiến lược, các dự án lớn có đóng góp lớn cho tăng trưởng và phát triển kinh tế của địa phương.

Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá SS 1994) bình quân giai đoạn 1992-2010 đạt 12,8%/năm, giai đoạn 2011-2015 (theo giá SS 2010) đạt 7,0%/năm, giai đoạn 2016-2020 (theo giá SS 2010) đạt 8,9%/năm; năm 2021, do tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng Ninh Bình vẫn thuộc nhóm ít các tỉnh đạt tăng trưởng dương với mức tăng trưởng 5,71%. Quy mô nền kinh tế của tỉnh không ngừng mở rộng, đến hết năm 2021, GRDP của tỉnh đạt trên 72 nghìn tỷ đồng, gấp 105 lần so với năm 1992.

Cơ cấu chuyển dịch tích cực, theo hướng giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản từ 60,3% vào năm 1992 giảm xuống còn 11,9% vào năm 2021; tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng từ 12,1% năm 1992 lên 49,1% vào năm 2021; tăng dần tỷ trọng dịch vụ từ 21,6% năm 1992 lên 39,0% vào năm 2021. GRDP bình quân đầu người tăng từ 0,84 triệu đồng năm 1992 lên 71,5 triệu đồng năm 2021, gấp 85 lần so với năm 1992.

Năm 1992, thu NSNN trên địa bàn mới chỉ đạt gần 40 tỷ đồng đến năm 2000 đạt 150 tỷ đồng, gấp 3,7 lần năm 1992. Năm 2005,



Ảnh minh họa

năm cuối giai đoạn 2001-2005 đạt 639 tỷ đồng. Năm 2010, năm cuối giai đoạn 2006-2010 đạt 3.066 tỷ đồng. Năm 2015, năm cuối giai đoạn 2011-2015 đạt 4.329 tỷ đồng, gấp 108,2 lần so với năm 1992. Năm 2020, năm cuối của giai đoạn 2016-2020, đạt mốc kỷ lục là 22.586 tỷ đồng, gấp 564 lần so với năm 1992. Năm 2021, thu NSNN trên địa bàn đạt 22.094 tỷ đồng, đứng thứ 14 trong 63 tỉnh, thành phố của cả nước, trong đó số thu nội địa đứng thứ 16/63 tỉnh, thành phố. Đến năm 2022, Ninh Bình sẽ tự cân đối ngân sách và là 01 trong 18 tỉnh, thành phố đảm bảo tự cân đối ngân sách của cả nước.

### 1.1. NÔNG NGHIỆP

Nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển khá toàn diện và ổn định theo hướng sản xuất hàng hóa, bền vững; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực. Tốc độ tăng tổng sản phẩm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 1992-2010 (theo giá SS 1994) bình quân đạt 4,01%/năm, giai đoạn 2011-2021 (theo giá SS 2010) bình quân đạt 2,4%/năm; năm 2021 giá trị GRDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4,4 nghìn tỷ đồng, gấp 8 lần so với năm 1992. Hệ thống hạ tầng (đê điều, thủy lợi, trạm bơm) được củng cố, tăng cường. Đến hết năm 2021, toàn tỉnh có 54 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, trong đó có 39 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 15 sản phẩm đạt hạng 3 sao.

### 1.2. CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp phát triển, khẳng định vai trò là động lực trong tăng trưởng kinh tế. Giai đoạn 1992-2010, tỉnh trọng tâm phát triển các ngành công nghiệp vật liệu xây dựng. Giai đoạn 2011-2020, phát triển các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tăng giá trị sản phẩm và đóng góp ngân sách lớn; ưu tiên các ngành công nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô, công nghiệp hỗ trợ, logistics phục vụ cho ngành công nghiệp ô tô, điện tử, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến phục vụ sản xuất nông nghiệp. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng mạnh, bình quân giai đoạn 1996-2000 (theo giá SS 1994) đạt 16,5%/năm; giai đoạn 2001-2005 theo giá SS 1994) đạt 25,4%/năm; giai đoạn 2006-2010 (theo giá SS 1994) đạt 18,4%/năm, giai đoạn 2011-2015 đạt 16,0%, giai đoạn 2016-2020 đạt 18,1%; năm 2021 GRDP ngành công nghiệp đạt 13,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2020, chiếm 30,7% tổng GRDP toàn tỉnh; đóng góp trên 50% tổng số thu ngân sách của tỉnh. Một số dự án sản xuất mới có quy mô lớn đã hoàn thành, đi vào hoạt động như: Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô Thành Công, nhà máy sản xuất, lắp ráp camera modul và linh kiện điện tử; Nhà máy sản xuất kính xây dựng CFG... là yếu tố đóng góp chủ yếu trong tăng trưởng của ngành.



*Cụm công nghiệp Gia Văn*

### 1.3. DỊCH VỤ

Các ngành dịch vụ tiếp tục phát triển, du lịch có nhiều chuyển biến về chất lượng, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Tổng sản phẩm GRDP ngành dịch vụ (theo giá SS 1994) giai đoạn 1992-2010 bình quân tăng 15,2%/năm, giai đoạn 2011-2020 (giá SS 2010) bình quân tăng 6,5%/năm. Năm 2021 giá trị GRDP toàn ngành dịch vụ đạt 15,4 nghìn tỷ đồng, gấp 101 lần so với năm 1992, chiếm 33,9% tổng GRDP toàn tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 1992-2010 tăng bình quân 25,3%/năm, giai đoạn 2011-2020 tăng bình quân 13,4%/năm, năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 42,9 nghìn tỷ đồng, gấp 235 lần năm 1992. Hoạt động xuất khẩu có bước phát triển mạnh, kim ngạch xuất khẩu tăng cao; kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 1992-2010 tăng bình quân 22,6%/năm, giai đoạn 2011-2021 tăng 30,1%/năm, giai đoạn 1992-2021 tăng bình quân 27,8%/năm; năm 2021 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 2.955,4 triệu USD, gấp 30 lần so với năm 2010 và gấp 1.182 lần so với năm 1992.



Khách sạn The Reed

Dịch vụ vận tải, bưu chính, viễn thông phát triển đa dạng, chất lượng dịch vụ được cải thiện đáng kể, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và thông tin liên lạc của nhân dân. Khối lượng luân chuyển hàng hóa giai đoạn 1992-2021 bình quân tăng 11,1%/năm; khối lượng luân chuyển hành khách giai đoạn 1992-2021 bình quân tăng 11,4%/năm; doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải của địa phương bình quân giai đoạn 1992-2021 tăng 22,5%/năm.

Mạng lưới viễn thông từng bước mở rộng và hiện đại hóa, toàn tỉnh hiện có 2.010 trạm thu phát sóng di động (BTS); 100% các xã, phường, thị trấn và trường học sử dụng Internet tốc độ cao.

### 1.4. THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (FDI)

Tỉnh Ninh Bình có 87 dự án FDI với tổng vốn mức đăng ký đạt 1.559,603 triệu USD, trong đó có 57 dự án FDI thực hiện ngoài KCN với tổng vốn đầu tư là 959,163 triệu USD và 30 dự án trong KCN với tổng vốn đầu tư là 600,44 triệu USD.



Nhà máy Dream Plastic - CCN Khánh Thượng

## 2. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI

Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

### 2.1. GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

Giáo dục - Đào tạo tiếp tục đổi mới, phát triển, đạt nhiều kết quả quan trọng; chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng lên. Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình không ngừng phát triển và đạt được những kết quả toàn diện, góp phần quan trọng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đến nay, toàn tỉnh đã có 1 trường đại học, 4 trường cao đẳng và 4 trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề đào tạo nhiều ngành nghề với nhiều loại hình đào tạo.

Công tác hướng nghiệp, dạy nghề được quan tâm; chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, phát huy vai trò là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Cơ cấu lao động từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng tăng lên (37,6%), lĩnh vực thương mại, dịch vụ (32,1%), trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm xuống còn 30,3%.

### 2.2. Y TẾ

Hiệu quả công tác y tế và chăm sóc sức khỏe có chuyển biến rõ nét, ngày càng đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Cơ sở vật chất, nâng cấp, mua sắm thiết bị cho hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở được tập trung thực hiện. Năm 2021, toàn tỉnh có 421 cơ sở y tế, tăng 265 cơ sở (gấp 2,7 lần) so với năm 1992; trong đó các bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản nhi đã trở thành những bệnh viện vệ tinh của tuyến Trung ương đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, giảm tải cho bệnh viện tuyến trên.



Trường Chuyên tỉnh Ninh Bình



Bệnh viện Đa khoa tỉnh

### 2.3. KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

Hoạt động khoa học - công nghệ có bước đổi mới, đạt được nhiều kết quả; thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính. Phát triển công nghệ thông tin - truyền thông hiện đại, đồng bộ, kết nối liên thông các hệ thống thông tin, hạ tầng cơ sở dữ liệu của tỉnh, doanh nghiệp; chia sẻ dữ liệu số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức phục vụ cho đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử. Xây dựng mạng lưới chia sẻ, phối hợp, hỗ trợ giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng; phát triển đô thị thông minh theo hướng bền vững phục vụ người dân, xã hội.



*Ảnh minh họa*

### 2.4. AN SINH XÃ HỘI

Tỉnh Ninh Bình luôn xác định công tác an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ then chốt, góp phần quan trọng đảm bảo ổn định tình hình chính trị xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Tập trung thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của nhà nước với các đối tượng chính sách; chi trả trợ cấp hằng tháng cho trên 47.000 đối tượng bảo trợ xã hội (năm 1996 chỉ có 2.758 đối tượng); hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên; quản lý, nuôi dưỡng và chăm sóc gần 500 đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc tỉnh;...

Công tác giảm nghèo được triển khai có hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm nhanh qua các năm, từ 30% (năm 1995) giảm xuống còn 2,91% (năm 2015) theo tiêu chí nghèo đơn chiều và từ 7,46% (cuối năm 2015) xuống còn 1,87% (năm 2020) theo tiêu chí nghèo đa chiều.

Công tác lao động - việc làm, đào tạo nghề được quan tâm, đầu tư theo hướng tập trung vào các nghề trọng điểm, gắn với thị trường lao động. Năm 1992, trên địa bàn tỉnh có 27 cơ sở đào tạo nghề (cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên còn nhiều hạn chế), đến năm 2009 có 53 cơ sở và đến nay sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh còn 33 cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đội ngũ giáo viên dạy nghề của tỉnh thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng cơ bản đáp ứng được tiêu chuẩn quy định (với 5 giáo viên trình độ tiến sỹ; 349 trình độ thạc sỹ; 612 trình độ đại học). Chất lượng lao động cũng từng bước được nâng lên; sau khi tái lập tỉnh, lực lượng lao động chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo, tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ đạt 14,5% (trong đó đào tạo nghề là 10,3%), đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng lên 65% (trong đó lao động qua đào tạo nghề là 55%).



## IV. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Hằng năm, tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được thực hiện đồng bộ trên toàn tỉnh. Đến nay, 18/18 sở, ngành; 8/8 huyện, thành phố và 143/143 xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã thực hiện công khai thủ tục hành chính theo quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Đến nay 100% đơn vị được kết nối Internet băng thông rộng và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng để phục vụ ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và chạy các phần mềm nghiệp vụ; 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (Một cửa điện tử) của tỉnh; các cơ quan cũng đã công khai các thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của của cơ quan, đơn vị, đồng thời công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia đảm bảo đầy đủ, dễ tra cứu và thực hiện.

Năm 2020, Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh đi vào hoạt động nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng tính công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, góp phần phát triển KT- XH của tỉnh, hướng tới xây dựng một nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách về cải cách hành chính, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, kinh doanh;

Tích cực đẩy mạnh các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và nhà đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, thị trường, đất đai, công nghệ, tín dụng... tổ chức tiếp xúc đối thoại 6 tháng/lần nhằm nắm bắt kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.



*Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh*

Kết luận 62-KL/TU ngày 14/05/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 12/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị văn minh hiện đại giai đoạn 2011 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 09/07/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, Ngành và địa phương (DDCI) thuộc tỉnh Ninh Bình

Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 11/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển và quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030

**Tạo cơ chế thông thoáng;  
Minh bạch hóa, đa dạng hóa các hình thức đầu tư**

## V. ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT ĐẦU TƯ

Tập trung ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách, ít thâm dụng lao động, sử dụng tiết kiệm đất, hiệu quả đầu tư cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

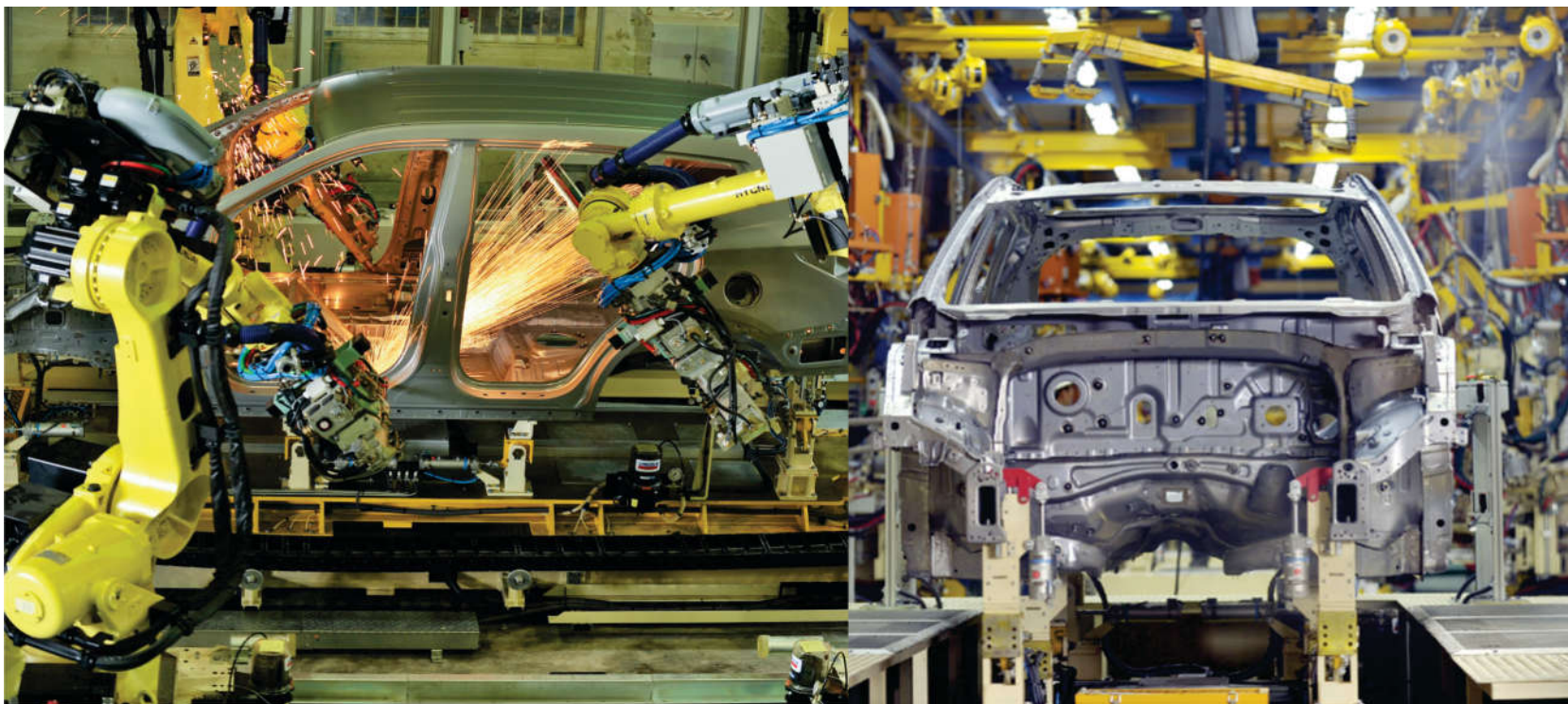


*Ảnh minh họa*

## 1. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

Thu hút dự án công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ số, chế tạo thông minh, sản xuất lắp ráp và phụ trợ công nghiệp ô tô, chế tạo sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp, các dự án có nguồn thu lớn và dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao gắn liền với bảo vệ môi trường.

Thu hút các dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng các khu, điểm du lịch, đường giao thông liên vùng, liên tỉnh.



*Sản xuất ô tô tại Nhà máy sản xuất ô tô Hyundai Thành công*

## 2. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Thu hút nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xanh, sạch, hữu cơ, đặc hữu hướng tới phục vụ du lịch; dự án nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; ứng dụng khoa học công nghệ nuôi trồng thủy sản; phát triển sản phẩm chủ lực, đặc sản (OCOP) theo hướng hữu cơ gắn với phát triển du lịch bền vững. Khuyến khích các dự án liên kết chuỗi giá trị như: trang trại tổng hợp chất lượng cao khép kín (sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm) gắn với vùng nguyên liệu tập trung; quản lý ứng dụng nông nghiệp số (sản xuất, tiêu dùng và truy xuất hàng hóa).

Trồng trọt: dự án nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất giống cây trồng chất lượng cao; dự án nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong canh tác, bảo quản, chế biến, canh tác hữu cơ; dự án trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và phát triển rừng; dự án phát triển vùng nguyên liệu đáp ứng nhu cầu công nghiệp chế biến.

Lĩnh vực chăn nuôi: dự án sản xuất giống vật nuôi; dự án chăn nuôi theo hướng hữu cơ, chuyển đổi số.

Lĩnh vực thủy sản: dự án sản xuất giống thủy, hải sản công nghệ cao; dự án nuôi trồng thủy sản hữu cơ; dự án khai thác hải sản vùng nước ven bờ (ngao, hào, tôm, cua...) và đánh bắt xa bờ.



Ảnh minh họa

### 3. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ



*Khu du lịch Vân Long*

Tập trung thu hút phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ hiện đại; tổ hợp khu vui chơi, giải trí chất lượng cao; phân khu trung tâm kinh doanh dịch vụ, khách sạn 5 sao cao cấp, khu vui chơi giải trí theo chủ đề; tổ hợp khách sạn, resort, nghỉ dưỡng có quy mô lớn tiêu chuẩn 4-5 sao gắn liền với các khu, điểm, tuyến du lịch để hình thành chuỗi dịch vụ du lịch đa dạng có giá trị kinh tế cao. Ưu tiên thu hút đầu tư hạ tầng du lịch, hạ tầng thương mại, đầu tư khai thác và quản lý mạng lưới chợ đầu mối, chợ nông thôn, chợ đêm.

Khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược đầu tư hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, vui chơi giải trí, phố đi bộ, chợ đêm... tại các địa bàn du lịch trọng điểm; dự án xây dựng khu đô thị kiểu mẫu theo

hướng đồng bộ và hiện đại; khu nhà ở xã hội; khu đô thị thông minh kết hợp trung tâm thương mại, trường học quốc tế, khu vui chơi giải trí; khu đô thị kiểu mẫu, khu nhà ở đồng bộ.

Phát triển các ngành dịch vụ có liên quan đến tổ chức hoạt động du lịch: sản phẩm, trung tâm du lịch đặc trưng; kinh doanh thương mại điện tử, bưu chính, chuyển phát; phát triển kinh tế ban đêm làm tăng giá trị môi trường sinh thái, tăng giá trị tài nguyên cho các khu, điểm du lịch.

Phát triển các nhóm sản phẩm du lịch dựa trên cơ sở khai thác giá trị tài nguyên độc đáo, đặc sắc, có lợi thế về tự nhiên và văn hóa (du lịch sinh thái, du lịch văn hóa); Khuyến khích đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mới, có tiềm năng (các sản phẩm du lịch chuyên đề, sản phẩm du lịch cộng đồng, sản phẩm du lịch mua sắm).

Đầu tư phát triển du lịch gắn với ứng dụng khoa học công nghệ; phát triển du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về du lịch, quản lý điểm đến, quản lý doanh nghiệp; cung cấp thông tin và trải nghiệm phục vụ khách du lịch.



Ảnh minh họa

## 4. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

Thu hút xây dựng bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa; đầu tư khôi phục các lễ hội, làng nghề và các giá trị văn hóa truyền thống; các dự án làng nghề, tiểu thủ công nghiệp truyền thống gắn với văn hóa đặc trưng của địa phương như thêu ren, cối, gốm sứ...

Ưu tiên phát triển ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, chuyển đổi số; khuyến khích các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; dịch vụ cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ; giáo dục mầm non, trường liên cấp ngoài công lập chất lượng cao; các dự án đào tạo đa ngành, nghề gắn với tiếp nhận và sử dụng lao động đa dạng, phù hợp nhiều lứa tuổi.



*Ảnh minh họa*





Thu hút các dự án thuộc lĩnh vực logistics; dự án xây dựng trung tâm, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao; dự án cơ sở đào tạo nghề; dự án Bệnh viện tư nhân đạt chuẩn; dự án cơ sở khám, chữa bệnh, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao; sản xuất dược phẩm, thuốc chữa bệnh; sản xuất trang thiết bị y tế; dự án xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải y tế, chất thải công nghiệp, xử lý nước thải sinh hoạt tại các huyện, thành phố và các khu đô thị.



*Ảnh minh họa*



*Bệnh viện Sản Nhi tỉnh*

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	1
II. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN	3
III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	10
IV. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ	15
V. ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT ĐẦU TƯ	17



